

CÂU HỎI CỦA LÊ LỢI NĂM 1428 VÀ TRIỀU ĐÌNH LÊ SƠ TRONG GIAI ĐOẠN 1428-1459 (BÀI HỌC THỜI HẬU CHIẾN)

NGUYỄN HẢI KẾ*

1. Năm 1423, tại căn cứ miền núi rừng tây Thanh Hóa, thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn - Lê Lợi đặt ra trước Bộ chỉ huy câu hỏi:

“Bây giờ ta đi đâu để lo việc nước?”

Nguyễn Chích đưa ra câu trả lời *“Nay ta trước hãy đánh lấy thành Trà Long, giữ cho được Nghệ An làm chỗ đất đứng chân, rồi dựa vào nhân tài vật lực đất ấy mà quay ra đánh Đông Đô thì có thể tính xong việc dẹp yên thiên hạ”* (1).

Chỉ 5 năm sau, “phương án” đó đã thành sự thật!

Qua những *“võ công oanh liệt vô song”*, mùa xuân năm 1428, quốc gia Đại Việt đã *“bốn biển thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn”*.

Mùa hạ, tháng 6 năm 1428, trong thành Đông Kinh, trước triều đình, vua Lê Lợi đặt ra những câu hỏi: *“Hiện nay công việc của triều đình rất bề bộn, việc gì nên làm trước? việc gì nên làm sau? Các tướng trong triều ai có thể gánh đáng được việc lớn, có thể trao sứ mệnh ngoài ngàn dặm? Ai có thể dạy dỗ Thái tử?”* (2).

Lần này thì câu trả lời và kết quả ra sao?

2. Trước hết câu hỏi lần này không chỉ là một, mà cả một hệ vấn đề

2.1 *“Công việc triều đình bề bộn, việc gì nên làm trước việc gì nên làm sau?”*

Người đứng đầu của triều đình ý thức được điều này rất sớm.

Giữa bộn bề công việc của ngày đầu giải phóng, ngay từ tháng Giêng năm 1428, triều đình còn ở diện tranh bên bên Bồ Đề, chưa bàn đến việc định công ban thưởng (3), chưa đặt quốc hiệu, chưa chia các quan đi tế thần kỳ núi sông, đền miếu ở các xứ, Lê Lợi đã hạ lệnh: *“Cho các quan Tư không, Tư đồ, Tư mã, Thiếu úy, Hành Khiển bàn định pháp lệnh cai trị quân dân, để người làm tướng biết phép trị quân, quan các lộ biết phép trị dân, cũng để răn dạy quân dân biết là có pháp luật. Mọi công việc đều có cơ quan phụ trách riêng...”*.

Pháp luật được đặt lên hàng đầu! Vì *“Từ xưa đến nay trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn... Đặt ra pháp luật là để dạy các tướng hiệu, quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ, biết thế nào là thiện ác điều thiện thì làm điều chẳng lành thì tránh”*.

* PGS. TSKH. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

Từ đó đến khi mất (1433), theo thống kê khái lược của sử gia thời Lê, thì vua Lê Lợi đã lần lượt:

(1). “Ân định luật lệnh”

1428: *Bàn định pháp lệnh cai trị quân dân; lệnh trị nước phải có pháp luật; lệnh về quê cha nhận ruộng đất; định luật lệnh kiện tụng; lệnh đổi chiếu khám xét ruộng đất, đầm, bãi công tư, thủy hải sản, khoáng sản, khoáng vật; làm sổ ruộng đất, sổ hộ tịch.*

1429: *Lệnh trừng phạt du thủ, du thực, cờ bạc; quy định việc dùng ấn triện các cấp; nghị bàn quân cấp ruộng cho quan lại, quân, dân theo loại; lệnh cho kiểm và tấu các điều lệnh, thuế khoá cho phù hợp; lệnh không được chiếm ruộng mà bỏ hoang...*

1430: *Ban luật lệ; định các ngạch thuế; đổi Đông Đô thành Đông Kinh; làm sổ hộ tịch.*

(2). “Chế tác lễ nhạc, mở khoa thi”

1428: *Đặt niên hiệu, quốc hiệu; ban chữ huy, định cờ xí, nghi trượng, chiến khí, thuyền bè các quân; đúc tiền*

1429: *Lệnh chuẩn bị hội thi kinh sử các quan viên, quân dân cả nước vào tháng 5 năm sau ai tinh thông bổ làm quan văn, tinh thông võ kinh, pháp lệnh làm quan võ*

1431: *Làm sách Lam sơn thực lục*

(3). “Đặt cấm vệ; xây dựng quan chức; thành lập phủ huyện”

1428: *Chia cả nước thành 3 đạo, đặt các vệ quân lớn nhỏ giữ gìn nhau; cho các đại thần tiến cử quan vào các cấp; quy chế quan chức; quy định phẩm tước các quan chức văn vũ; định biên chế quân ngũ; lệnh lập xã quan; chế tạo chiến khí, thuyền bè*

1429: *Chia mỗi vệ thành 5 phiên 1 phiên ở lại, còn 4 phiên cho về làm ruộng*

1430: *Tuyển chọn quân bộ*

1431: *Đặt các giám và các ty xá nhân trong kinh ngoài trấn*

(4). “Thu thập sách vở, mở mang trường học”

1429: *Lệnh con trai từ 9 đến 17 tuổi của các Đại đội trưởng đến Đông Tri, từ Thất phẩm đến Thượng thư tới nhà Quốc học lập danh sách đi học*

1432: *Tuyển chọn con trai các quan và học trò ba lộ Quốc Oai, hai lộ Bắc Giang sung vào Quốc Tử giám*

Những việc ấy được các sử gia đời Lê đánh giá “có thể gọi là có mưu kế xa rộng mở mang cơ nghiệp...”

[Trong biên niên sử, những năm 1430, 1431, 1432 ghi rất ít các sự kiện (4). Đó là vì dồn dập trong 3 năm này, vua đều thân chinh lần lượt đi kinh lý biên cương.

Qua 20 năm bị quân Minh đô hộ, áp bức đồng hóa, non sông Đại Việt được giành lại, được dựng gậy từ những mất mát, hy sinh vô bờ bến, từ sự vùng dậy quật cường nên ý thức về độc lập, toàn vẹn núi sông vốn từ lâu đã hình thành, tiềm tàng và thường trực trong tâm thức, thành chính sách và hành động của các chính quyền nhà nước Việt, càng trở nên rất sâu đậm, rất cụ thể sinh động đối với thể hệ mở nước Lam Sơn. Đó là lý do đầu tiên, căn bản khiến Lê Lợi ngay từ những ngày đầu, kiên quyết dẹp mọi “phiến loạn” ở vùng biên cương - mà theo ông làm mất đi sự vẹn toàn, bình yên của lãnh thổ quốc gia. Hành động và tuyên cáo “bất từ vạn lý chinh sư đồ (Chẳng từ muôn dặm cất quân đi) của Lê Lợi đầu chỉ khắc tại Thạch Lâm trấn Thái Nguyên năm 1430 hay “Biên phòng hảo vị trừ phương lược, xã tắc ứng tu kế cứu an” trên vách núi đá biên cương Tây Bắc năm 1431

mà đã trao truyền và khám sâu vào nhận thức của các thế hệ kế tiếp.

Hơn 40 năm sau, khi vua Lê Tư Thành dụ Thái bảo Lê Cảnh Huy *"Một thước núi, một tác sông của ta lẽ nào lại tự tiện vứt bỏ...? Nếu người dám đem một thước, một tác đất của Thái Tổ để làm môi cho giặc, thì tội phải tru di"* thì tinh thần ấy, ý chí, quyết tâm ấy đâu phải chỉ của mình vua Lê, hình phạt ấy đâu chỉ dành riêng cho viên quan đi bàn về vấn đề biên giới năm 1473].

2.2. "Các tướng trong triều đình ai có thể căng đáng được việc lớn, có thể trao cho sứ mạng ở ngoài ngàn dặm?"

Toàn thư cho biết Lê Lợi thường khen ngợi và từng nói với một người rằng: *"Nếu dồn mọi công lao lại thì ngôi tể tướng chẳng người thì còn ai? Trẫm có tiếc gì với người, chỉ vì tài không xứng mà thôi"*. Người đó là Lê Lễ *"theo Lê Lợi từ sớm, suốt đời làm gia thần cho Thái Tổ, rất được tin dùng sớm tối châu hầu, không lúc nào rời bên cạnh. Khi Thái Tổ khởi nghĩa, vợ cả, vợ lẽ bị hoạn nạn mà vua phá vòng vây, thoát khỏi nguy hiểm, phần nhiều là công của Lễ"*.

Năm 1433, khi sắp mất Lê Lợi còn khóc mà nói với Lê Lễ: *"Nếu Trẫm không còn thì ai biết khanh nữa, sợ từ đây về sau bị giáng truất mất thôi"* (5).

Và câu *"Vua không chọn tướng thì khác gì dâng nước mình cho giặc"* cũng là điều Lê Lợi *"luôn suy nghĩ ngày đêm không quên"*

Những điều ấy cho thấy Lê Lợi đâu phải không có chủ kiến, nhất là đã *"nắm mật nằm gai phải đầu một buổi"*, cùng các đồng chí của mình thì phẩm chất, năng lực của những công thần gân gỏi, không phải ông không tưởng tượng, cũng như ông không

đánh đồng yêu cầu, năng lực của đội ngũ tướng lĩnh thời kháng chiến với đại thần, quan lại thời hậu chiến.

Nhưng, biết và với từng trường hợp cụ thể là một chuyện, còn đây là cả một thế hệ, là cả đội ngũ chủ yếu là các võ tướng - không chỉ của lịch sử để lại mà là còn vốn liếng cán bộ chủ yếu hiện thời. Những người căng đáng trọng trách của chính quyền thời hậu chiến từ trong triều đến xa ngoài ngàn dặm, không có sự lựa chọn nào khác, không ai khác chính, chủ yếu là các tướng lĩnh từ chiến trường, từ thuyền chiến, yên ngựa bước ra (6). Chiến tích, huân công và sự hy sinh, từng trải trong kháng chiến vẫn là đảm bảo đầu tiên, bao trùm để triều đình trao chức tước, ân sủng, bổng lộc. Không có cách nào khác chức, tước, bổng lộc vẫn là cách thức đầu tiên, chủ yếu nhất mà triều đình Lê Sơ dành để đãi ngộ, trả công cho đội ngũ công thần từ trong chiến tranh đi ra và chính họ là cơ sở nền tảng đầu tiên quyết định xây dựng chính quyền, là chỗ dựa vững chắc đầu tiên, toàn diện của bộ máy chính quyền nhà nước Lê Sơ vừa thiết lập.

Là một nhà nước mới bắt đầu, nhưng triều đình Lê Sơ năm 1428 là thành quả của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sâu rộng 20 năm, mà trực tiếp là Khởi nghĩa Lam Sơn. Nhà nước đó là bước vận động tiếp tục, tự nhiên, tất nhiên của Bộ chỉ huy nghĩa quân.

So với các triều đình Đại Việt tự chủ trước đó, khó có triều đình nào lại có đội ngũ công thần khai quốc mang đầy chiến công, chiến tích và đông đảo như triều đình Lê Sơ. Hình thành và xây dựng chính quyền từ và bằng đội ngũ này, đó là chính sách đãi ngộ và cũng là "giá" phải trả của thời hậu chiến (7).

Hầu hết các công thần tướng lĩnh Lam Sơn tham gia vào bộ máy của nhà nước từ cấp cao nhất (vua Lê Lợi) các cấp trong triều đình Trung ương đến các địa phương.

Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn được hình thành trong quá trình tổ chức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vừa kháng chiến vừa xây dựng chính quyền, quản lý các vùng giải phóng vừa từng bước vươn lên đảm nhiệm các chức năng của chính quyền nhà nước độc lập, tự chủ. Đó là đội ngũ dạn dày kinh nghiệm từng trải những thử thách ác liệt, đã hiến dâng tuổi xuân, sức lực và cả phần máu xương của bản thân trong kháng chiến cứu nước. Nói cách khác, triều đại Lê Sơ được khai sinh từ chính máu xương, trí tuệ của cả dân tộc, của cả thế hệ này.

2.3 “Ai là người có thể dạy Thái tử”

Với vương triều quốc gia nào ngôi Thái tử và việc chuẩn bị cho Thái tử thành vua đó cũng đặc biệt quan trọng (không phải ngẫu nhiên mà ngôi trường đầu tiên của vương triều, của quốc gia Đại Việt thời Lý năm 1076 mang tên Quốc Tử giám - cũng là để dành riêng trông coi đào tạo cho Hoàng Thái tử). Lo chọn lập, dạy thái tử trong quan niệm đương thời là làm “*vững gốc rễ, chính danh phân, là mưu xa của xã tắc, là kế lớn của quốc gia*” (8) không chỉ là việc của hiện tại mà chính là chuẩn bị cụ thể cho tương lai, là vua của ngày mai, đảm bảo cho sự kế thừa, phát triển, ổn định, bền vững của vương triều, “cho con cháu muôn đời”.

Không thể nói là Lê Lợi không quyết liệt khi thực hiện vấn đề quan trọng này.

Con trưởng của vua là Tư Tế - trong chiến tranh từng dẫn thân vào trong dinh lũy quân Minh ở Đông Quan để làm con tin, đến ngày 6 tháng giêng năm 1429 được

ban Kim sách Hữu tướng quốc Khai quận vương - giúp coi việc nước.

Năm 1432, sau khi đi bình định Phục Lễ về, Lê Lợi đã giáng Tư Tế xuống làm Quận vương - vị trí năm 1429 (9).

Còn con thứ là hoàng tử Lê Nguyên Long sinh vào mùa Đông, ngày 21 tháng 11 năm Quý Mão (năm 1423), 5 tuổi được phong Lương Quận công (tháng Giêng năm 1428). Cùng ngày kim sách phong cho Khai quân vương - loại Tư Tế khởi dự án làm vua, thì Nguyên Long cũng được chọn ban kim sách lập làm Hoàng Thái tử.

Chỉ ngày sau, đó có lệnh chỉ “*con trai từ 9 đến 15 tuổi của các quan Quân lĩnh, Hành khiển trở lên được vào hầu Hoàng thái tử*”.

Trước vận mệnh của triều đại mới, Lê Lợi đã đặt ra cụm ba vấn đề lớn với những câu hỏi cụ thể trên liên quan chặt chẽ với nhau, chi phối và tăng cường hiệu quả cho nhau thành một thể hoàn chỉnh: đó là *con người quản lý* (Thái tử, đại thần triều đình), *phương thức và đường lối quản lý đất nước* (luật pháp)... Và, trong cuộc đời làm vua không dài (1428-1433) của mình, ông đã triển khai mạnh mẽ.

3. Tuy nhiên vấn đề là ở chỗ hiệu quả của nó ra sao

Trước hết là từ khâu “cán bộ” - quyết định thành bại của toàn bộ chiến lược ấy:

3.1. Trong vòng 1/3 thế kỷ sau ngày Bình Ngô, đội ngũ này phân hóa ngày một sâu sắc

Một bộ phận như Nguyễn Trãi, Nguyễn Xí, Đinh Liệt... gắn bó với sự nghiệp bảo vệ xây dựng triều đình, chính quyền, đất nước.

Nguyễn Trãi lúc này đã vào độ tuổi 50 đến hơn 60 vẫn tự ví mình “*như con ngựa*

già còn ham rong ruổi” lo nước thương dân “cuốn cuộn nước triều đông”.

Nguyễn Xí vẫn “giữ mình có đạo, hồn nhiên như ngọc tốt chẳng khoe tươi, nghiêm mặt ở triều, lẫm liệt như thanh gươm mới tuốt “các quan đều tưởng mộ phong thái, bốn biển đều ngưỡng mộ uy danh” (lời Lê Thánh Tông nhận xét).

Đinh Liệt “làm thủ tướng 10 năm quyết định những công việc lớn của nhà nước, được vua hết sức tin tưởng, triều đình ngoài quận hết sức tin tưởng”.

Và, năm 1459 khi Lạng Sơn vương Nghi Dân - mang hận bị truất ngôi thái tử đã đang đem cho người vào cung giết Lê Nhân Tông và Hoàng Thái hậu Nguyễn Thị Anh, tự lên ngôi vua. Trong vòng tám tháng, không ai khác, chính là các Đại thần - những người đã sinh tử trong cuộc kháng chiến chống Minh như Nguyễn Xí, Đinh Liệt, Lê Lăng, Lê Niệm lại một lần nữa “xướng nghĩa” để lập lại triều đình.

Càng quên mình, càng đầy huân tích trong kháng chiến gian lao, càng tận tâm trong cương vị quản lý mới. Đó là lẽ sống, phẩm cách, sự thống nhất vẹn toàn của những người - lính các - công - thần - chân - chính. Và đó là điều dễ hiểu.

Nhưng, rất không ít công thần tướng lĩnh sau ngày về tiếp quản Đông Kinh, có chức cao lộc lớn, đã ý thế, xả hơi.

Chỉ trong hai năm sau giải phóng, Lê Lợi đã phải hơn một lần cảnh tỉnh:

Ngay năm đầu tiên:

“Hiện nay phân đất của các quân các phủ đệ của công hầu trăm quan đều đã có phần nhất định, đã được ban đất cho ở, ... nếu đã được chia phần đất vườn nhà nhất định rồi lại còn chiếm đất trong thành Đại La làm nhà cửa khác...”

Sang đến năm sau thì dồn dập hơn:

- “Các đại thần, quan lại, tướng hiệu, quan chức trong ngoài không giữ phép, nhận hối lộ, nhiều hại lương dân thiên tư phi pháp”

- “Trong các việc tiến cử, xử án hay nhiều việc công tư khác, rất nhiều khi người ta dung túng che chở cho nhau, để biến hoá đổi thay người làm quan trong sạch thì ít, mà như bản thì nhiều” (Lệnh chỉ cho các đại thần trăm quan- 19/6 ÂL năm 1429)

- “Trăm - đem việc quân, việc nước quan trọng trao cho các ông (Đại thần, Tổng quản, Hành khiển trở xuống - NHK) thế mà các ông cứ điềm nhiên ngồi nhìn không để ý tới, trên phụ lòng tin dùng của triều đình, dưới chẳng đoái thương đến quân dân, sao lại trể biếng chức sự quá thế (Lệnh chỉ cho các đại thần Tổng quản, Hành khiển ngày 18 tháng 10 Âm lịch năm 1429).

Thậm chí Lê Lợi còn răn đe, cứng rắn. “Nhà nước còn pháp luật đó, chớ bảo là trăm phụ bề tôi cũ có công đấy!”

Sau khi Lê Lợi mất, căn bệnh ấy của bộ phận công thần (và theo sau là hàng ngũ quan lại các cấp) càng phổ biến, phức tạp hơn với đủ dạng thức:

Năm 1434:

Không chỉ riêng Tiên quân Tổng quản Lê Thụ “làm nhà cao cửa rộng sai người nhà xuất cảnh mua bán vụng trộm với người nước ngoài” mà “các đại thần đều sai quân lính làm nhà cửa lớn cho mình”. Theo lời tâu của Ngôn quan Phan Thiên Tước thì chỉ tính từ bọn Tham Tri Đông Đạo Lê Định đến Quân lĩnh đã gồm hơn 20 người.

+ Khi nghe lời Bùi Thị Hanh rằng “ngày mồng một tháng 5 sẽ có vượn ăn mặt trời (nhật thực), trong nước sẽ có tai biến, phải bắt được vượn sống đem giết để trấn yểm,

thì “Đại tư đồ Lê Sát tâu xin ra lệnh cho các quan lại Tuyên Quang, Thái Nguyên đốc thúc dân chúng bủa lưới săn lùng khắp núi rừng khe hang, bắt vượn khi đóng cũi gửi về nước ngoài không ngọt, đến ngày ấy nghỉ chậu, làm phép trấn yểm trong cung cấm”.

+ Bất chấp lệnh cấm quan lại dân chúng không được buôn bán vượn trộm hàng hóa nước ngoài, Tổng quản Nguyễn Tông Từ, Đồng tổng quản Lê Dao - giữ việc xét ghi sổ hàng hóa trong thuyền lại “gian lận đổi làm số khác, bán trộm đi hơn 900 quan, mỗi người chiếm riêng 100 quan”.

...

Hãy nghe đánh giá của một số nhân vật đương thời về một số đại thần kiểu đó:

Từ Hành khiển Nguyễn Trãi nói thẳng “bọn các người là hạng bề tôi vợ vét”.

Đến Nguyễn Sư Đãng - chỉ một người thợ bình thường ở cục Tả ban Tất tác - đang làm chùa Báo Thiên “Thiên tử không có đức, ... Đại thần ăn của đút, cử dùng kẻ vô công có gì là thiện đâu mà phải làm chùa to thế”.

Trong vòng hơn 1/3 thế kỷ (từ 1428 đến những năm 70 của thế kỷ XV lớp các công thần khai quốc này cũng lần lượt “ra đi” vì tuổi tác bệnh tật, hay bị giết. Từ 1429 đến 1451, ít nhất có 8 công thần bị sát hại, nhiều công thần bị bắt giam. Trong đó nổi bật là: sự kiện năm 1437 (giết Lê Sát, Lê Ngân, xử lý hàng loạt vị liên quan như Lê Văn Linh, Lê Thu, Lê Ê, Lê Hiệu, Phan Thiên Tước... “có ân xá cũng không được hưởng”... Bùi Quốc Hưng, Trịnh Khắc Phục “tiến cử người không đúng, lại che dấu tội tham ô”). Vụ năm 1444-1445 (bắt giam Thái phó Đinh (Lê) Liệt vào lao hầm. Lê Khắc Phục, công chúa Ngọc Lan làm đơn khẩn thiết xin ban ơn, mãi đến năm 1448

mới được tha. Năm 1445, định công khai xét xử Nhập nội Đô đốc Nguyễn (Lê) Xí, nhưng vì Xí là bề tôi cũ có công lao nên chỉ bãi chức).

3.2 Các vị vua kế tục thì sao?

Sau khi vua cha mất, mùa thu ngày 8 tháng 9 (Âm lịch) năm 1433 Thái tử Lê Nguyên Long lên ngôi vua.

Mồng 8 tháng hai (Âm lịch) năm 1435, làm lễ ở Thái miếu vì có lệnh để vua (Lê Nguyên Long) quyền coi việc nước (10).

Lời ca ngợi (hay nhận xét) về Vua Lê Nguyên Long của Sử gia Vũ Quỳnh: “khi vua lên ngôi mới 11 tuổi, không nhờ nương rèm coi chính sự mà mọi việc trong nước đều tự mình quyết định. Bên trong chế ngự quyền thần...” không biết có phải một phần vì liên quan đến những hiện tượng sau không:

+ Khi có Thiếu bảo hữu bật và hầu giáng sách, Long đứng dậy bỏ đi không nghe.

+ Có người bảo mẫu làm thầy - do chính Lê Lợi lựa chọn - vâng mệnh dạy bảo trong cung, Nguyên Long khinh rẻ, mắng chửi, không nghe.

+ Các Thân phi, huệ phi là bậc di vào cung rần dạy, Long sai đóng cửa trước lại, không cho vào.

+ Con em các công thần - do chính Lê Lợi lựa chọn - vào hầu đọc sách, Long xa lánh họ mà nô đùa với bọn hầu hạ, vui đùa với bọn hoạn quan.

+ Khi Nguyên Long không đọc sách, thích cầm cung bắn chim, có khi can ngăn, không nghe còn cầm cung bắn người quản lĩnh.

Lời trong sổ kể trên khiến Nguyên Long tức giận, vặn hỏi, bọn tả hữu là Lê Cảnh

Xước, hoạn quan Đinh Hối đi khắp nhà bọn Thiên Tước chất vấn bắt nói tên người tố ra việc nói trong số.

Năm 1435 - tức là sau khi đã chính thức làm Lễ Thái miếu, vẫn còn có cảnh “vua hàng ngày vui đùa với bọn hầu cận trong cung, các đại thần muốn khuyên vua học, cùng nhau tâu cử 6 văn thần - thuộc hàng đầu của quốc gia lúc đó - như Hành khiển Nguyễn Trãi, Trung thư Thị lang Trình Thuấn Du, đi theo hai ba đại thần chia phiên vào hầu Kinh Diên, thì Nguyên Long sai hoạn quan Đinh Phúc trả lại tờ tấu không đọc.

Đầu là lời ủy thác thiêng liêng của vua khai sáng về rèn cặp Thái tử, các đại thần muốn thực hiện trọn vẹn đâu có dễ chút nào.

Nhưng, Lê Nguyên Long - vị vua mà sau này sử thần Ngô Sĩ Liên coi là “*bác hùng tài đại lược, quyết đoán chủ động. Khi mới lên ngôi, nghiền ngẫm phương trị nước, đặt chế độ, ban sách vở, chế tác lễ nhạc, sáng suốt trong chính sự, thân trọng trong việc hình ngục. Mới có mấy năm (1434-1442) mà điển chương văn vật rực rỡ đầy đủ, đất nước đã đổi thay tốt đẹp...*” đã đột ngột ra đi ngày 4 tháng 8 Âm lịch năm 1442. Khi ấy mới 20 tuổi ta!

Còn thái tử sau?

Đầu tiên là Hoàng Thái tử Nghi Dân - con trưởng của Lê Nguyên Long sinh tháng 10 năm 1439, lập Thái tử tháng Giêng năm 1440. Tháng 3 năm 1441, khi mẹ đẻ là Dương Thị Bí “*cậy thế, kiêu căng*” bị giáng xuống làm Chiêu nghi rồi dần bà thường, thì Nghi Dân bị coi là “*chưa chắc đã là người khá*” và xuống chiếu “*Ngôi Thái tử chưa định*”.

Đến lượt Lê Bang Cơ - con thứ ba của Lê Nguyên Long, sinh năm 1441, được lập

Thái tử năm 1442 lúc 6 tháng tuổi với kỳ vọng về “*thể chất vàng ngọc, tư thái tinh anh, có uy vọng của một bậc quân vương*” là có “*thiên tư sáng suốt, về người tuấn tú đường hoàng, đáng điều nghiệm trang*”.

Sau vua cha mất, Bang Cơ hơn 14 tháng tuổi được lập làm vua. Thái hậu buông rèm coi chính sự, nắm quyền quyết đoán việc nước (11). Việc chăm lo dạy dỗ vua - con - trẻ ấy trao cho Thái tử Thiếu bảo Lê Lễ - bồi thân cũ của Thái Tổ, hay chuyên trách ở Kinh Diên, như Hàn lâm viện Trực học sĩ Nguyễn Khắc Hiếu làm Thị giảng phụng thị, hoặc các bồi thân Nguyễn Nguyên Kiều, Nguyễn Đán, Trần Hoãn Huy...

Đến mùa Đông năm 1453, khi Bang Cơ 14 tuổi ta “*bắt đầu đích thân coi chính sự, đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ*”.

Nhưng, đêm ngày 3 tháng 10 Âm lịch năm 1459, với vụ “*hoàng thái tử hụt*” ngày nào là Lê Nghi Dân đột nhập vào cung cấm... Ông vua mà hơn một năm sau được triều đình dâng miếu hiệu là Nhân Tông (vị vua nhân từ) cũng chỉ đích thân coi chính sự được 6 năm cùng niên hiệu Diên Ninh (bền vững ổn định)!

Như vậy, cả hai khâu quan trọng nhất về nhân sự của triều đình Lê Sơ mặc dù đã được toan tính, kén chọn, trù liệu ngay từ đầu, nhưng trong giai đoạn 1428 đến cuối những năm 50 của thế kỷ XV ngày càng bộc lộ những khiếm khuyết trầm trọng.

Hậu quả đầu tiên và thường xuyên gắn liền với hai khâu ấy là trong gần suốt thời gian đó là triều đình chia rẽ sâu sắc (12).

Sử gia đời Lê (cả về sau nữa) nhận xét, và cho “*chỗ kém*” của vua Lê Lợi là “*đa nghi hiếu sát*”, vì ngay trong thời gian đầu 1429, 1430 hai đại công thần Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo đã bị hãm hại!

Nhưng... thời các vua sau như Thái Tông được nhận xét là *"tha thứ khoan hồng"*, Nhân Tông *"xưng đáng là vị vua nhân từ"*... như miếu hiệu bé tôi dâng lên khi mất, thì số công thần bị giết (ít nhất có 6 đại công thần bị sát hại), bị xử lý nhiều hơn cả! Vua - trẻ - con tự quyết sát hại đại công thần thì ít, đám triều đình bè phái, kẻ có trọng chức nhân danh vua để hãm hại nhau thì nhiều.

Với một triều đình liên tục như thế, những người cầm trọng trách quốc gia chia rẽ, bè cánh, tham nhũng, hối lộ như thế, thì hậu quả là pháp luật - điều lo lắng đầu tiên, bao trùm mà từ vua Lê Lợi trừ tính và cố công xây dựng, cuối cùng chỉ trở thành phương tiện để nhân danh, để làm luật, lợi dụng, thậm chí diên đảo pháp luật, đứng trên pháp luật để có lợi cho mình, để vây bè, kéo cánh, sát hại lẫn nhau.

Luật pháp, cuối cùng lại bị chính đám quan lại làm luật và thi hành luật của triều đình đó vô hiệu, triệt tiêu.

Trong thập kỷ đầu tiên của triều Lê sơ, tình trạng đó thấp thoáng trong các lệnh chỉ hay ở những biểu hiện "tinh vi". Chẳng hạn, những năm 1428, 1429, 1434, không chỉ Lê Lợi mà cả đến Nguyễn Thái hậu nhiều lần ra lệnh chỉ yêu cầu tiến cử người hiền tài... Nhưng *"các tể tướng đều là đại thần khai quốc, chuyên lấy việc sổ sách, giấy tờ, kiện tụng để xét thành tích các quan, cho nên quan trong ngoài có chức nào khuyết thì tiến cử để bổ dùng"*, nên Lê Lợi thì phiền lòng *"trăm chưa kiếm được người hiền tài giúp đỡ trị nước"*, còn Thái hậu họ Nguyễn thì toạc ra rằng: *"những kẻ tiến cử đều là bọn tầm thường dung tục"*.

Năm 1434, khi phát hiện ra người cùng làng với trước đây từng theo giặc đánh úp nghĩa quân, Tư không Lê Ngân sai hình

quan xét hỏi, ghép vào tội chém. Đại tu đồ Lê Sát toan tính: *"Nay bọn ta có quyền thế mà thù hằn người làng thì thế nào chẳng được. Sau này lỡ ta hết quyền thế rồi chả lẽ để con cháu ta gánh chịu tai họa ấy sao?"*.

...

Tình hình triều đình những năm 40 - 50 thế kỷ XV thì không phải chỉ phe Lê Nghi Dân tố cáo: *"Nguyễn Thái hậu muốn giữ quyền vị, ngầm sai nội quan Ta Thánh dựng Bang Cơ... sau Bang Cơ tiết lộ việc ấy, lây đến cả Thái úy Trịnh Khả. Tư không Trịnh Khắc Phục. Thái hậu bắt giết cả để hết người nói ra"* mà trong con mắt của nhóm *"đẹp Lê Nghi Dân"* cũng tương tự:

"Nhân Tông mới lên hai tuổi đã nối ngôi vua,

Thái hậu Nguyễn Thị là gà mái gáy sớm,

Đồ đốc Lê Khuyển như thỏ khôn giữ mệnh,

Vua đàn bà mắt quáng buông rềm ngôi chốn thâm khuê.

Bọn họ ngoại lòng tham, khoác lác hoành hành khắp cõi,

Kẻ thân yêu nắm quyền vị, nạn hối lộ được công khai.

... Bạc lương thần như Trịnh Khả, Khắc Phục thì kèn cựa mà giết đi,

Người tài sĩ như Nguyễn Mộng Tuân thì đẩy vào vòng tai họa.

Oan uống không chỉ kêu xin,

Mọi việc thầy đều đổ nát.

Văn giai Công Soạn tuổi gần tám mươi.

Tể thần Lê Ê không biết một chữ.

Bọn trẻ không biết nghĩ, làm bậy ngông cuồng.

Người già chẳng chết đi, trở thành mối họa.

Bán quan mua kiện, ưa giàu ghét nghèo

... Bọn xiêm nịnh được tin dùng, kẻ đao bút được tiến cử..."

Thì đây, các sự kiện đó chẳng thiếu. Ví dụ:

Năm 1448: Tư khấu Lê Khắc Phục cùng với Nam Sách phủ Đồng tri Lê Thiết dẫn các quan triều đình và quan trấn An Bang để hội khám đề phòng biên giới. Đến lúc tới biên giới ở lại cả tuần, cả tháng, tin tức thì im lặng như tờ. *"Họ liền đem tiền của mua hàng phương Bắc chở nặng đem về, nói thác là quan khám sai nhà Minh không đến. Đài quan là bọn Hà Lật thì vào cánh với nhau không nói một câu. Triều đình cũng không có ai hỏi đến tội đó"*.

Năm 1449, *Quán Chi là con trai Đại Đô đốc Lê Khuyển đang đem tù tập đánh chết người ở giữa chợ. Việc phát giác. Quán Tri bị hạ ngục, cung khai tới hơn 10 người là con cái nội quan và các quan chức khác. Án đã sắp xong. Thái hậu thấy Khuyển là chỗ dựa của vua, là bậc đại thần nếu giết con Khuyển, Khuyển đau lòng. "Liền làm trái luật pháp, tha cho hắn, chỉ lấy tiền bồi thường cho người chết thôi. Giám quan thì ngậm miệng không dám nói. Trẻ con ngoài chợ nắm tay nhau nói... Tiếc ta không được làm đài quan"*.

Lê Thánh Tông về sau cũng có dịp nhận xét: *"Khoảng năm Thái Hòa, Diên Ninh (thời Thái Tông, Nhân Tông) trên thì tế tướng, dưới thì trăm quan mưu lợi lẫn nhau, bừa bãi hối lộ"*.

Tình trạng tiếm tâng, thường xuyên, nung nấu ấy, kết cục cũng đến lúc òa vỡ mà "loạn Nghi Dân" năm 1459 là đỉnh điểm, là rõ ràng của tình cảnh 30 năm hậu chiến.

Từ 1423 đến 1428 ở hai hoàn cảnh khác nhau, với hai câu hỏi liên quan đến việc quốc gia mà vị lãnh tụ tối cao của quốc gia Đại Việt đầu thế kỷ XV đặt ra.

Lần thứ nhất - trong gian lao kháng chiến - chỉ 5 năm đã thực hiện vẻ vang, trọn vẹn!

Lần thứ hai - giữa tháng năm đầu tiên vừa ra khỏi chiến tranh. Triều đình và quốc gia Đại Việt đã đi qua một khoảng thời gian gấp gần 6 lần, mà... đích đến vẫn dậm dãi trước mặt!

Trong lịch sử Việt Nam, cho đến lúc đó, chưa có một triều đại nào được thành lập bằng kết quả trực tiếp của một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc lâu dài và oanh liệt như thế.

Với hào sảng ngày đại thắng Bình Ngô, với nhiệt tâm, trong sáng, không chỉ Lê Lợi, Nguyễn Trãi... mà cả dân tộc Đại Việt hân hoan và tràn đầy niềm tin tưởng *"xã tắc từ nay bền vững, non sông từ đây đổi mới"*.

Nhưng thực tế lịch sử, sự vận động 1/3 thế kỷ tiếp sau đó của triều đình Lê Sơ đã khác xa, vượt qua cả những tính toán, trù liệu của nhiều tri thức tinh táo nhất lẫn những tình cảm lãng mạn nhất đương thời. Phải / đã trải qua chặng đường gần 30 năm ấy mới (và) càng thấm thía:

- Từ khởi nghĩa, giải phóng dân tộc đến hòa bình xây dựng là hai giai đoạn trước - sau, nhưng không đứt đoạn, siêu hình. Một mặt, giai đoạn trước gắn liền, chi phối giai đoạn sau trong biện chứng của sự vận động. Mặt khác, kháng chiến đến hòa bình là hai giai đoạn không đồng nhất về yêu cầu về năng lực, phương thức quản lý đất nước.

- Không phải cứ vượt qua được thử thách của chiến tranh thì phía trước là *đường ta rộng thênh thang ta bước*. Thử thách trong hòa bình đâu phải chẳng gian lao!

- Đội ngũ đã từng kết tinh và thăng hoa những tâm, trí, lực của cả quốc gia, dân tộc để làm nên làn sóng vô cùng mạnh mẽ, nhấn chìm lũ giặc Minh cướp nước, lại không còn thống nhất trong đội hình, ý chí, mưu lược và phương sách để canh tân đất nước. Ngược lại, lại bị chia rẽ, huỷ hoại bằng bè phái, vây cánh, hối lộ, tham nhũng... từ sau ngày về Đông Kinh.

Cuộc chiến hàng mấy ngàn ngày gian khổ (1417-1427) đã đi qua. Về vang, oanh liệt của những vũ công Bình Ngô phá trận như Xương Giang, Chi Lăng,... còn lại mãi, sáng mãi, thì những bài học hậu chiến thời 1428-1459 đâu cũng phải vì hào quang của những chiến công ấy mà mất đi. Và, đó cũng chính là sự chuẩn bị, là bài học cho Vương triều Lê Sơ, quốc gia Đại Việt vận động ở chặng đường tiếp theo.

CHÚ THÍCH

(1). Văn bia *Quốc triều tá mệnh công thần Nguyễn Chích* do Trình Thuấn Du soạn. Đông Ninh, Đông Sơn, Thanh Hóa.

(2). Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê. *Đại Việt sử ký toàn thư Bản kỷ. quyển X*, Bản dịch của Hoàng Văn Lâu, hiệu đính của Hà Văn Tấn. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tập II, tr 291... (Tiếp theo trong bài viết này các chữ viết nghiêng không chú thích đều dẫn theo cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* này viết tắt *Toàn thư*).

(3). Những việc ấy, *Toàn thư* cho biết: Tháng 2 mới bàn định mức khen thưởng cho những người có công ở Lũng Nhai, rồi đại hội các tướng và quan văn võ để định công ban thưởng. Tháng tư âm lịch năm 1428 Lê Lợi mới từ điện tranh ở Bồ Đề vào đóng ở thành Đông Kinh, 15 tháng 4 mới đặt quốc hiệu, niên hiệu, xuống chiếu tha thuế tở 2 năm.

(4). Các sự kiện cả 3 năm này chỉ vắn vắn 3 trang 73a, b, 74a và bằng các trang 305, 306 trong bản dịch. Xem *Toàn Thư*, sdd.

(5). Quả đúng như vậy. Thời vua Lê Thái Tông, Lê Lễ bị truất chức Nhập Nội thị trung. Phải đến mùa Hè năm 1449, trước ngày mất Lê Lễ mới được khôi phục chức tước!

(6). Năm 1433, kiểm điểm lại từ buổi đầu khởi nghĩa, *Toàn thư* chép: võ thần là bọn Lê Thách, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Văn, Lê Ngân, Lê Lý 30 người, văn thần là Lê Linh, Lê Quốc Hưng.

(7). Vì thế mà trước khi vào trong thành Đông Kinh (tháng 4 năm 1428), thì liền tiếp: tháng 2 định mức khen thưởng cho những hoả thủ, quân nhân và thiết đột có công lao siêng năng, khó nhọc

ở Lũng Nhai gồm 121 người, tháng ba "Đại hội các tướng và các quan văn võ để định công, ban thưởng xét công cao thấp mà định thứ bậc".

(8). Tinh thần chiếu lập Lê Bang Cơ làm Hoàng thái tử năm 1441.

(9). Năm 1438 bị giáng xuống làm thứ nhân.

(10). Suốt thời gian cư tang, Lê Nguyên Long chỉ đứng tựa cột bên đông điện Hội Anh để nghe việc mỗi khi coi chầu. Trước một ngày bỏ áo tang - theo đề nghị của Nguyễn Trãi (nhưng sau một ngày theo ý kiến khác) ngày 26 tháng Chạp Âm lịch năm 1434 - Lê Nguyên Long mới chính thức ngồi ngai son thiết triều.

(11). Trong *Toàn Thư* trừ một lần năm 1449 - tức là khi Bang Cơ lên 9 tuổi ta, lần đầu tiên thấy có chép lời vua, ấy là khi vua Chiêm Thành sai sứ sang dâng cống vật, còn lại là chép chung chung: xuống chiếu (của vua), hay "vua lập tức ra lệnh", "vua thân ra để văn sách khi thì Đình". Trong khi đó chép "Hoàng Thái hậu viết chỉ dụ cho bọn đại thần", "Thái hậu hỏi tế tướng"...

(12). Tham khảo một số bài nghiên cứu về giai đoạn lịch sử này, như Phan Huy Lê (2002): *Nguyễn Trãi (1380-1442) - 560 năm sau vụ án Lệ chi viên*. Phan Huy Lê (2003): *Nguyễn Thị Lộ một nữ sĩ tài hoa, một nỗi oan bi thảm*, In lại trong *Lịch sử và văn hoá Việt Nam - Tiếp cận bộ phận*. Nxb Giáo dục. Hà Nội, 2007, tr. 904-925. Nguyễn Hải Kế (2004): *Nước Đại Việt thời Lê sơ - một vài đặc điểm căn bản của nền tảng chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội*. In trong *Quốc triều hình luật - Lịch sử hình thành, nội dung và giá trị*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr. 7-42.